

Số: *2431* /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày *15* tháng *11* năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công  
trong hoạt động sưu tầm, nghiên cứu, bảo quản, trưng bày  
của bảo tàng công lập trên địa bàn tỉnh Yên Bái

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20/11/2019;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 18/2010/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức và hoạt động của bảo tàng;

Căn cứ Thông tư số 11/2013/TT-BVHTTDL ngày 16/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về sưu tầm hiện vật của bảo tàng công lập;

*Căn cứ Quyết định số 70/2006/QĐ-BVHTT ngày 15/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin về việc ban hành quy chế kiểm kê hiện vật bảo tàng;*

*Căn cứ Quyết định số 47/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 03/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy định tiêu chuẩn, trách nhiệm của cán bộ và người thực hành bảo quản hiện vật bảo tàng;*

*Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-BVHTTDL ngày 07/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn, nội dung, quy trình cung cấp dịch vụ và định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động sưu tầm, nghiên cứu, bảo quản, trưng bày và phát huy giá trị di sản văn hóa của bảo tàng công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc sửa đổi, bổ sung một số điều và thay thế phụ lục của Quyết định số 3347/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt danh mục và phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu với sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên của tỉnh Yên Bái;*

*Theo đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 104/TTr-VHTTDL ngày 02/11/2021.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công trong hoạt động sưu tầm, nghiên cứu, bảo quản, trưng bày của bảo tàng công lập trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật được phê duyệt, giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng phương án giá, đơn giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công trong hoạt động sưu tầm, nghiên cứu, bảo quản, trưng bày của bảo tàng công lập trên địa bàn tỉnh Yên Bái sử dụng ngân sách nhà nước gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Trong quá trình thực hiện, căn cứ tình hình thực tế khi xây dựng phương án giá, đơn giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công trong hoạt động sưu tầm, nghiên cứu, bảo quản, trưng bày của bảo tàng công lập trên địa bàn tỉnh Yên Bái, nếu có khó khăn, vướng mắc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kịp thời báo cáo, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *gms*

*Nơi nhận: ~~Tổ~~*

- Như Điều 3;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TC, VX.

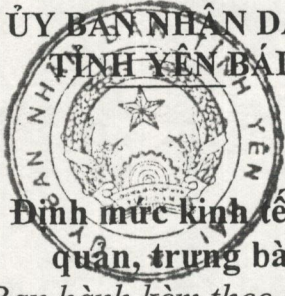
**CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*

**Trần Huy Tuấn**





## QUY ĐỊNH

**Định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động sưu tầm, nghiên cứu, bảo quản, trưng bày của bảo tàng công lập trên địa bàn tỉnh Yên Bái**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2451/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động sưu tầm, nghiên cứu, bảo quản, trưng bày của bảo tàng công lập, làm cơ sở xây dựng dự toán ngân sách nhà nước và đơn giá cho hoạt động sưu tầm hiện vật; hoạt động quản lý hiện vật; hoạt động nghiên cứu nội dung trưng bày; hoạt động bảo quản phòng ngừa hiện vật; hoạt động bảo quản trị liệu hiện vật có sử dụng kinh phí theo phương thức Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng nguồn ngân sách nhà nước.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng chung cho các cơ quan, đơn vị nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng dịch vụ sự nghiệp công trong hoạt động sưu tầm, nghiên cứu, bảo quản, trưng bày của bảo tàng công lập theo Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt danh mục và phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu đối với sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên của tỉnh Yên Bái.

#### Điều 3. Nội dung định mức kinh tế kỹ thuật

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật là mức hao phí cần thiết về lao động, về nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ và phương tiện để hoàn thành một đơn vị sản phẩm (hoặc một khối lượng công việc nhất định), trong một điều kiện cụ thể của hoạt động sưu tầm, nghiên cứu, bảo quản và trưng bày.

2. Hướng dẫn sử dụng: Định mức kinh tế kỹ thuật được sử dụng vào việc xây dựng dự toán các hoạt động sưu tầm, nghiên cứu, bảo quản và trưng bày. Các cơ quan, đơn vị thực hiện dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm lập dự toán, quản lý sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp lý có liên quan.

## Chương II

### NỘI DUNG ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

#### **Điều 4. Suu tầm hiện vật**

Bảng định mức kinh tế kỹ thuật cho hoạt động Suu tầm hiện vật được quy định chi tiết tại Phụ lục I kèm theo.

#### **Điều 5. Quản lý hiện vật**

Bảng định mức kinh tế kỹ thuật cho các hoạt động Quản lý hiện vật được quy định chi tiết tại Phụ lục số II kèm theo.

#### **Điều 6. Nghiên cứu xây dựng nội dung trưng bày**

Bảng định mức kinh tế kỹ thuật cho các hoạt động Nghiên cứu xây dựng nội dung trưng bày được quy định chi tiết tại Phụ lục III kèm theo.

#### **Điều 7. Bảo quản phòng ngừa hiện vật**

Bảng định mức kinh tế kỹ thuật cho các hoạt động Bảo quản phòng ngừa được quy định chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo.

#### **Điều 8. Bảo quản trị liệu hiện vật**

Bảng định mức kinh tế kỹ thuật cho các hoạt động Bảo quản trị liệu được quy định chi tiết tại Phụ lục V kèm theo.

## Chương III

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### **Điều 9. Trách nhiệm thi hành**

1. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

2. Trường hợp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan Trung ương có liên quan ban hành điều chỉnh, bổ sung các quy định khác có liên quan đến các định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công được quy định tại Quyết định này và căn cứ tình hình thực tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát các nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định này do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề xuất (nếu có). Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả kiểm tra, rà soát của mình làm căn cứ để ban hành các quy định có liên quan.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để được hướng dẫn và phối hợp với các cơ quan có liên quan để giải quyết. Đối với những nội dung vượt thẩm quyền, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.





Phụ lục I

**ĐÌNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT HOẠT ĐỘNG SỬU TÂM HIỆN VẬT**

(Kèm theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 15 tháng 1 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

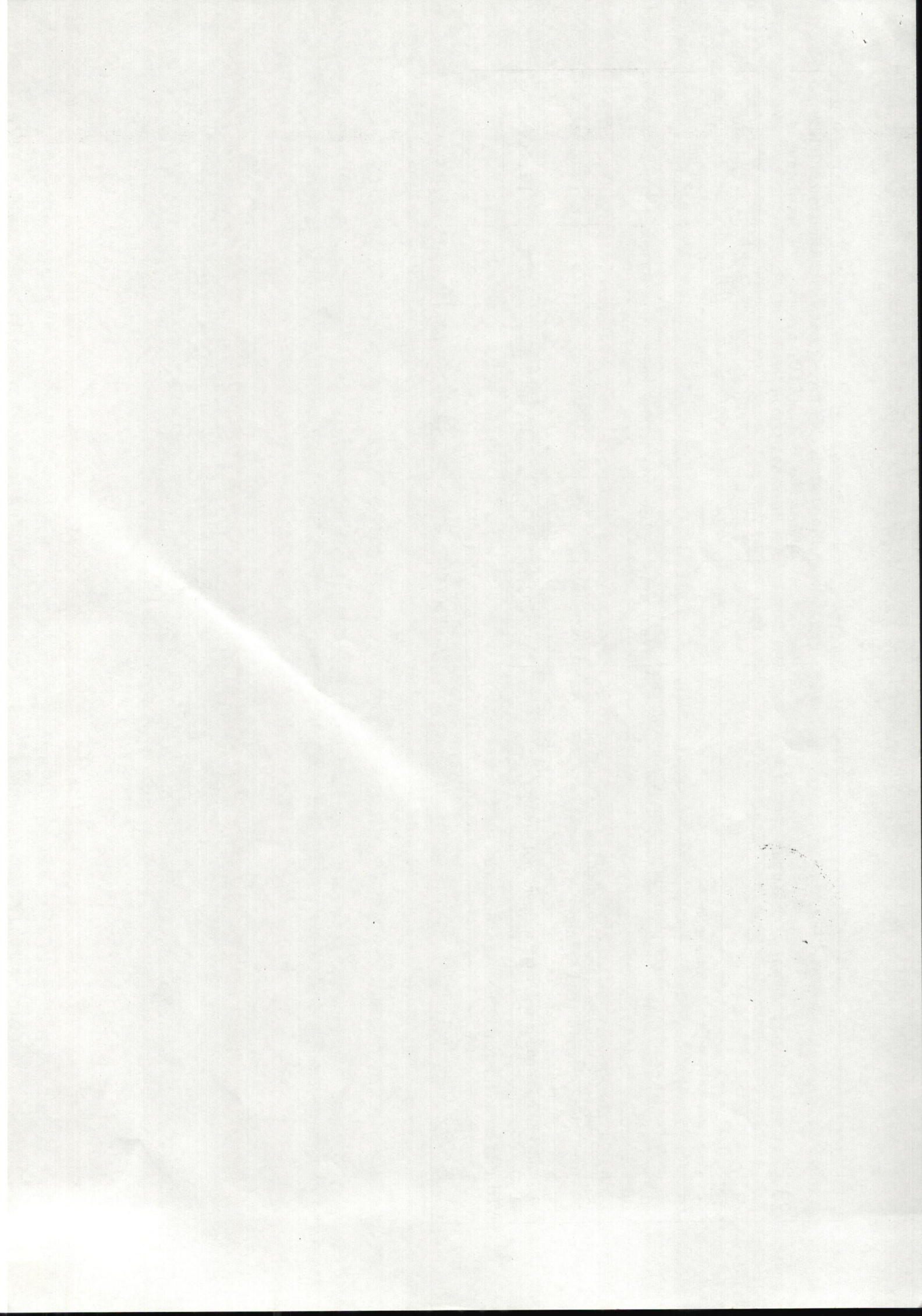
TT	Nội dung	ĐVT	Đình mức KTKT theo Quyết định số 60/QĐ-BVHTTDL ngày 07/01/2020		Đình mức KTKT địa phương	
			≤ 100 hiện vật	Ghi chú	≤ 100 hiện vật	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin và nghiên cứu về hiện vật</b>					
1	Điều tra nhu cầu sưu tầm hiện vật của bảo tàng, đề xuất sưu tầm	Người/ ngày	5/10	Di sản viên	5/10	Di sản viên
2	Lập đề cương điền dã khảo sát tại địa điểm sưu tầm hiện vật	Người/ ngày	4/5	Di sản viên	4/5	Di sản viên
3	Khảo sát, điền dã địa điểm sưu tầm hiện vật	Người/ ngày	7/12	Thông tư số 40/2017 TT-BTC	7/12	Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 3/10/2017
4	Thu thập thông tin về hiện vật dự kiến sưu tầm	Người/ ngày	5/7	Di sản viên	5/7	Di sản viên
5	Nghiên cứu về hiện vật sưu tầm để đề xuất quyết định sưu tầm hiện vật	Người/ ngày	7/10	Di sản viên	7/10	Di sản viên
6	Danh mục hiện vật đề xuất sưu tầm	Người/ ngày	3/1	Di sản viên	3/1	Di sản viên
<b>II</b>	<b>Xác định các hiện vật có đủ tiêu chí là đối tượng sưu tầm của bảo tàng</b>					
1	Báo cáo xác định các hiện vật có đủ tiêu chí là đối tượng nghiên cứu	Người/ ngày	5/9	Di sản viên	5/9	Di sản viên

TT	Nội dung	ĐVT	Định mức KTKT theo Quyết định số 60/QĐ-BVHTTDL ngày 07/01/2020		Định mức KTKT địa phương	
			≤ 100 hiện vật	Ghi chú	≤ 100 hiện vật	Ghi chú
2	Lập danh mục hiện vật đề xuất sưu tầm	Người/ ngày	2/3	Di sản viên	2/3	Di sản viên
3	Hội đồng khoa học của bảo tàng phê duyệt danh mục hiện vật dự kiến sưu tầm	Người/ ngày	7/3	Điều 9 Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN	7/3	Quyết định 24/2017/QĐ-UBND ngày 16/11/2017
4	Hoàn thiện danh mục hiện vật đề xuất sưu tầm	Người/ ngày	3/3	Di sản viên	3/3	Di sản viên
<b>III Lập đề cương, kế hoạch sưu tầm</b>						
1	Lập đề cương sưu tầm hiện vật	Người/ ngày	3/5	Di sản viên	3/5	Di sản viên
2	Lập kế hoạch sưu tầm hiện vật	Người/ ngày	3/5	Di sản viên	3/5	Di sản viên
3	Xây dựng danh mục giá trị mua hiện vật dự kiến sưu tầm trước khi đàm phán giá	Người/ ngày	3/5	Di sản viên	3/5	Di sản viên
4	Đi đàm phán, thỏa thuận giá trị mua hiện vật	Người/ ngày	3/7	Thông tư số 40/2017/TT-BCT	3/7	Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017
5	Xây dựng danh mục giá trị mua hiện vật dự kiến sưu tầm (đã thống nhất giá)	Người/ ngày	1/4	Di sản viên	1/4	Di sản viên
6	Trình phê duyệt Đề cương, Kế hoạch và giá trị mua hiện vật	Người/ ngày	1/1	Di sản viên	1/1	Di sản viên

TT	Nội dung	ĐVT	Định mức KTKT theo Quyết định số 60/QĐ-BVHTTDL ngày 07/01/2020		Định mức KTKT địa phương	
			≤ 100 hiện vật	Ghi chú	≤ 100 hiện vật	Ghi chú
IV	Lập hồ sơ hiện vật dự kiến sưu tầm					
1	Danh sách hiện vật dự kiến sưu tầm	Người/ ngày	3/2	Di sản viên	3/2	Di sản viên
2	Các tài liệu khác liên quan đến hiện vật dự kiến mua	Người/ ngày	3/5	Di sản viên	3/5	Di sản viên
3	Chụp ảnh hiện vật	Người/ ngày	3/10	Di sản viên	3/10	Di sản viên
4	Ghi âm, ghi hình tư liệu liên quan đến hiện vật	Người/ ngày	3/10	Di sản viên	3/10	Di sản viên
5	Đánh giá hiện trạng hiện vật	Người/ ngày	3/5	Di sản viên	3/5	Di sản viên
6	Miêu tả hiện vật	Người/ ngày	5/9	Di sản viên	5/9	Di sản viên
V	Trình duyệt kế hoạch sưu tầm					
1	Trình hội đồng thẩm định mua hiện vật	Người/ ngày	3/4	Di sản viên	3/4	Di sản viên
2	Hội đồng thẩm định hiện vật dự kiến sưu tầm	Người/ ngày	7/3	Điều 9 Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN	7/3	Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 16/11/2017
VI	Thực hiện việc sưu tầm hiện vật					
1	Sưu tầm hiện vật tại địa phương theo kế hoạch được phê duyệt	Người/ ngày	7/12	Di sản viên	7/12	Di sản viên

TT	Nội dung	ĐVT	Định mức KTKT theo Quyết định số 60/QĐ-BVHTTDL ngày 07/01/2020		Định mức KTKT địa phương	
			≤ 100 hiện vật	Ghi chú	≤ 100 hiện vật	Ghi chú
2	Ký hợp đồng mua, bán hiện vật giữa bảo tàng và chủ sở hữu hiện vật theo quy định	Người/ ngày	7/12	Di sản viên	7/12	Di sản viên
3	Sưu tầm hiện vật	Hiện vật	≤ 100 hiện vật	Số lượng hiện vật sưu tầm đúng như kế hoạch sưu tầm được phê duyệt	≤ 100 hiện vật	Số lượng hiện vật sưu tầm đúng như kế hoạch sưu tầm được phê duyệt
4	Tiếp nhận hiện vật, tài liệu có liên quan đến nguồn gốc hiện vật, quyền sở hữu và bản quyền đối với hiện vật (nếu có) từ chủ sở hữu hiện vật	Người/ ngày	5/7	Di sản viên	5/7	Di sản viên
5	Biên bản giao, nhận hiện vật giữa bảo tàng và chủ sở hữu	Người/ ngày	2/7	Di sản viên	2/7	Di sản viên
6	Hoàn thành việc thanh toán, quyết toán với chủ sở hữu hiện vật theo quy định của pháp luật về tài chính	Người/ ngày	3/2	Di sản viên	3/2	Di sản viên
7	Lý lịch khoa học của hiện vật	Người/ ngày	7/12	Di sản viên	7/12	Di sản viên
8	Đóng gói hiện vật	Người/ ngày/ đợt	5/7	Di sản viên	5/7	Di sản viên
9	Vật tư đóng gói hiện vật	Hộp	01 hộp/01 hiện vật	Kích thước theo yêu cầu của hiện vật	01 hộp/01 hiện vật	Kích thước theo yêu cầu của hiện vật
10	Giám sát vận chuyển về bảo tàng	Người/ ngày/ đợt	5/7	Di sản viên	5/7	Di sản viên
<b>VII</b>	<b>Bàn giao hiện vật</b>					

TT	Nội dung	ĐVT	Định mức KTKT theo Quyết định số 60/QĐ-BVHTTDL ngày 07/01/2020		Định mức KTKT địa phương	
			≤ 100 hiện vật	Ghi chú	≤ 100 hiện vật	Ghi chú
1	Bảo quản sơ bộ hiện vật mới sưu tầm	Người/ ngày	5/7	Di sản viên	5/7	Di sản viên
2	Bàn giao hồ sơ hiện vật cho bộ phận phụ trách quản lý hiện vật của bảo tàng	Người/ ngày	2/3	Di sản viên	2/3	Di sản viên
3	Biên bản giao, nhận hiện vật giữa bộ phận sưu tầm và bộ phận phụ trách quản lý hiện vật của bảo tàng	Người/ ngày	2/3	Di sản viên	2/3	Di sản viên
4	Lưu kho bảo quản tạm thời các hiện vật mới sưu tầm	Người/ ngày	3/3	Di sản viên	3/3	Di sản viên
<b>VIII Báo cáo kết thúc nhiệm vụ sưu tầm hiện vật</b>						
1	Báo cáo kết thúc sưu tầm hiện vật	Người/ ngày	2/4	Di sản viên	2/4	Di sản viên





Phụ lục II

**ĐÌNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ HIỆN VẬT**

(Kèm theo Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 15 tháng 1 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung	ĐVT	Đình mức KTKT theo Quyết định số 60/QĐ-BVHTTDL ngày 07/01/2020		Đình mức KTKT dịch vụ địa phương	
			≤ 100 hiện vật	Ghi chú	≤ 100 hiện vật	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Tiếp nhận hiện vật mới sưu tầm</b>					
1	Tiếp nhận hiện vật mới sưu tầm	Người/ ngày	2/4	Di sản viên	2/4	Di sản viên
2	Nghiên cứu hồ sơ, hiện vật và xây dựng danh mục hiện vật đủ điều kiện nhập kho	Người/ ngày	1/4	Di sản viên	1/4	Di sản viên
3	Làm sạch sơ bộ trước khi nhập kho	Người/ ngày	2/6	Di sản viên	2/6	Di sản viên
<b>II</b>	<b>Đăng ký hiện vật</b>					
1	Đăng ký và đánh số hiện vật	Người/ ngày	2/6	Di sản viên	2/6	Di sản viên
2	Ghi thông tin vào sổ đăng ký hiện vật	Người/ ngày	1/5	Di sản viên	1/5	Di sản viên
<b>III</b>	<b>Tổ chức phân loại, sắp xếp hiện vật vào vị trí bảo quản trong kho</b>					
1	Phân loại và lập danh mục phân loại hiện vật để chuyển về các kho	Người/ ngày	1/5	Di sản viên	1/5	Di sản viên
2	Chuyển hiện vật về các kho bảo quản tương ứng, tổ chức sắp xếp hiện vật và xây dựng hệ thống vị trí bảo quản	Người/ ngày	1/4	Di sản viên	1/4	Di sản viên

TT	Nội dung	ĐVT	Định mức KTKT theo Quyết định số 60/QĐ-BVHTTDL ngày 07/01/2020		Định mức KTKT dịch vụ địa phương	
			≤ 100 hiện vật	Ghi chú	≤ 100 hiện vật	Ghi chú
<b>IV</b>	<b>Lập và tổ chức quản lý hồ sơ và xây dựng hệ thống phiếu tra cứu</b>					
1	Tổ chức sắp xếp, quản lý hồ sơ liên quan đến hiện vật	Người/ ngày	1/4	Di sản viên	1/4	Di sản viên
2	Xây dựng hệ thống phiếu tra cứu	Người/ ngày	1/10	Di sản viên	1/10	Di sản viên
<b>V</b>	<b>Bổ sung thông tin hồ sơ hiện vật</b>					
1	Bổ sung thông tin hồ sơ hiện vật	Người/ ngày	1/10	Di sản viên	1/10	Di sản viên
2	Hợp hội đồng khoa học phê duyệt nội dung thông tin hồ sơ hiện vật bổ sung	Người/ ngày	9/3	Điều 9 Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BCT-BKHCN	7/3	Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 16/11/2017
<b>VI</b>	<b>Xây dựng sưu tập</b>					
1	Nghiên cứu lập kế hoạch xây dựng sưu tập hiện vật	Người/ ngày	1/8	Di sản viên	1/8	Di sản viên
2	Lựa chọn hiện vật và lập danh mục hiện vật theo sưu tập	Người/ ngày	2/5	Di sản viên	2/5	Di sản viên
3	Lập phiếu sưu tập hiện vật cho các hiện vật trong sưu tập	Người/ ngày	2/12	Di sản viên	2/12	Di sản viên
4	Lập số sưu tập hiện vật	Người/ ngày	2/10	Di sản viên	2/10	Di sản viên
5	Hợp hội đồng khoa học phê duyệt sưu tập hiện vật	Người/ ngày	9/3	Điều 9 Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BCT-BKHCN	7/3	Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 16/11/2017

TT	Nội dung	ĐVT	Định mức KTKT theo Quyết định số 60/QĐ-BVHTTDL ngày 07/01/2020		Định mức KTKT dịch vụ địa phương	
			≤ 100 hiện vật	Ghi chú	≤ 100 hiện vật	Ghi chú
VII	<b>Quản lý xuất - nhập hiện vật</b>					
1	Lập danh mục hiện vật xuất kho phục vụ nghiên cứu, trưng bày, bảo quản	Người/ ngày	1/5	Di sản viên	1/5	Di sản viên
2	Chuẩn bị hiện vật xuất kho	Người/ ngày	5/20	Di sản viên	5/20	Di sản viên
3	Đóng gói hiện vật theo yêu cầu chuyên môn	Người/ ngày	2/10	Di sản viên	2/10	Di sản viên
4	Bàn giao và xuất hiện vật ra khỏi kho	Người/ ngày	2/10	Di sản viên	2/10	Di sản viên
5	Nhập hiện vật trở lại kho và đưa trả về vị trí bảo quản ban đầu	Người/ ngày	2/12	Di sản viên	2/12	Di sản viên
VIII	<b>Tổng kiểm kê</b>					
1	Xây dựng kế hoạch tổng kiểm kê	Người/ ngày	1/5	Di sản viên	1/5	Di sản viên
2	Thực hiện tổng kiểm kê hiện vật	Người/ ngày	2/16	Di sản viên	2/16	Di sản viên
3	Xây dựng báo cáo tình hình tổng kiểm kê hiện vật	Người/ ngày	1/5	Di sản viên	1/5	Di sản viên
IX	<b>Số hoá hình ảnh hiện vật, nhập dữ liệu thông tin hiện vật và vận hành phần mềm quản lý hiện vật và hệ thống thuật từ</b>					
1	Chụp ảnh hiện vật					
	Chụp ảnh hiện vật	Người/ ngày	3/14	Di sản viên	3/14	Di sản viên

TT	Nội dung	ĐVT	Định mức KTKT theo Quyết định số 60/QĐ-BVHTTDL ngày 07/01/2020		Định mức KTKT dịch vụ địa phương	
			≤ 100 hiện vật	Ghi chú	≤ 100 hiện vật	Ghi chú
	Máy ảnh (Canon EOS 5D Mark III tương đương chụp full frame)	Máy	0,003		0,003	
	Phòng nền màu ( Vải bạt, khổ 2m x 3m)	Chiếc	1		1	
	Đèn LED chụp ảnh Studio	Chiếc	1		1	
2	Scan ảnh và tài liệu liên quan					
	Scan ảnh và tài liệu liên quan	Người/ ngày	2/10		2/10	
	Máy scan khổ A3 (A3 HP Scanjet Enterprise Flow N9120-N9120 hoặc tương đương)	Máy	0,003		0,003	
	Ổ lưu dữ liệu di động 2T	Chiếc	1		1	
3	Lập phiếu và nhập thông tin hiện vật vào phần mềm quản lý hiện vật	Người/ ngày	1/40	Di sản viên	1/40	Di sản viên
4	Quản lý và vận hành phần mềm quản lý hiện vật và hệ thống thuật từ	Người/ ngày	1/1	Di sản viên	1/1	Di sản viên
<b>X</b>	<b>Phục vụ khai thác thông tin hiện vật</b>					
1	Phục vụ tra cứu thông tin hiện vật	Người/ ngày	1/4	Di sản viên	1/4	Di sản viên
2	Phục vụ các nhà nghiên cứu trong và ngoài bảo tàng đến nghiên cứu hiện vật tại kho	Người/ ngày	1/4	Di sản viên	1/4	Di sản viên

Phụ lục III

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG NỘI DUNG TRUNG BÀY**  
(Kèm theo Quyết định Số 2431 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



**A. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG**

TT	Nội dung	ĐVT	Định mức KTKT theo Quyết định số 60/QĐ-BVHTTDL ngày 07/01/2020		Định mức KTKT địa phương	
			≤ 100 tài liệu, hiện vật (≤ 100 m <sup>2</sup> )	Ghi chú	≤ 100 tài liệu, hiện vật (≤ 100m <sup>2</sup> )	Ghi chú
I	Xây dựng kế hoạch/đề án/dự án tổ chức trung bày					
1	Xây dựng dự thảo kế hoạch/đề án/dự án	Người/ ngày	3/3	Di sản viên	3/3	Di sản viên
2	Khảo sát, nghiên cứu điền dã	Người/ ngày	5/5	Thông tư số 40/2017/TT- BTC	5/5	Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 3/10/2017
3	Xây dựng đề cương sơ bộ nội dung trung bày	Người/ ngày	5/5	Di sản viên	5/5	Di sản viên
4	Nghiên cứu, đề xuất địa điểm trung bày	Người/ ngày	2/2	Di sản viên	2/2	Di sản viên
5	Đề xuất danh mục hiện vật dự kiến trung bày	Người/ ngày	5/5	Di sản viên	5/5	Di sản viên
6	Đề xuất danh mục tài liệu, ảnh, phim liên quan	Người/ ngày	3/3	Di sản viên	3/3	Di sản viên
7	Rà soát các vấn đề liên quan đến bản quyền của các tài liệu, ảnh, phim và hiện vật dự kiến trung bày	Người/ ngày	3/3	Di sản viên	3/3	Di sản viên

TT	Nội dung	ĐVT	Định mức KTKT theo Quyết định số 60/QĐ-BVHTTDL ngày 07/01/2020		Định mức KTKT địa phương	
			≤ 100 tài liệu, hiện vật (≤ 100 m <sup>2</sup> )	Ghi chú	≤ 100 tài liệu, hiện vật (≤ 100m <sup>2</sup> )	Ghi chú
8	Kế hoạch tổ chức trung bày	Người/ ngày	1/3	Di sản viên	1/3	Di sản viên
9	Xây dựng khái toán trung bày	Người/ ngày	1/3	Di sản viên	1/3	Di sản viên
10	Hoàn thiện kế hoạch/đề án/dự án	Người/ ngày	1/3	Di sản viên	1/3	Di sản viên
11	Đọc duyệt nội dung	Người/ ngày	2/1	Di sản viên	2/1	Di sản viên
II	<b>Phê duyệt kế hoạch/đề án/dự án tổ chức trung bày</b>					
1	Hội đồng khoa học phê duyệt kế hoạch/đề án/dự án tổ chức trung bày	Người/ ngày	9/1	Điều 9 Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN	7/1	Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 16/11/2017
III	<b>Nghiên cứu xây dựng Đề cương cấu trúc nội dung trung bày</b>					
1	Dự thảo Đề cương cấu trúc nội dung trung bày	Người/ ngày	3/3	Di sản viên	3/3	Di sản viên
2	Khảo sát, nghiên cứu điền dã bổ sung	Người/ ngày	5/3	Thông tư 40/2017/TT-BTC	5/3	Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017
3	Nghiên cứu nội dung các bộ sưu tập tài liệu, hiện vật hiện có, xây dựng dữ liệu các thông tin của tài liệu, hiện vật liên quan đến nội dung trung bày	Người/ ngày	5/5	Di sản viên	5/5	Di sản viên

TT	Nội dung	ĐVT	Định mức KTKT theo Quyết định số 60/QĐ-BVHTTDL ngày 07/01/2020		Định mức KTKT địa phương	
			≤ 100 tài liệu, hiện vật (≤ 100 m <sup>2</sup> )	Ghi chú	≤ 100 tài liệu, hiện vật (≤ 100m <sup>2</sup> )	Ghi chú
4	Tổng hợp các nghiên cứu đã có làm cơ sở tham khảo, xác minh... những vấn đề liên quan đến phạm vi nội dung trưng bày	Người/ ngày	5/5	Di sản viên	5/5	Di sản viên
5	Nghiên cứu, dự thảo các chương trình và các hoạt động giáo dục, trải nghiệm trong trưng bày	Người/ ngày	5/5	Di sản viên	5/5	Di sản viên
6	Xây dựng danh mục hiện vật dự kiến trưng bày	Người/ ngày	3/5	Di sản viên	3/5	Di sản viên
7	Xây dựng danh mục tài liệu, ảnh, phim liên quan	Người/ ngày	3/3	Di sản viên	3/3	Di sản viên
8	Xây dựng Đề cương cấu trúc nội dung trưng bày	Người/ ngày	3/3	Di sản viên	3/3	Di sản viên
9	Xây dựng dự thảo nhiệm vụ thiết kế trưng bày	Người/ ngày	2/3	Di sản viên	2/3	Di sản viên
10	Hoàn thiện Đề cương cấu trúc nội dung trưng bày	Người/ ngày	2/3	Di sản viên	2/3	Di sản viên
11	Đọc duyệt nội dung	Người/ ngày	2/1	Di sản viên	2/1	Di sản viên
IV	<b>Phê duyệt Đề cương cấu trúc nội dung trưng bày</b>					
1	Hội đồng khoa học phê duyệt Đề cương cấu trúc nội dung trưng bày	Người/ ngày	9/1	Điều 9 Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN	7/1	Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 16/11/2017

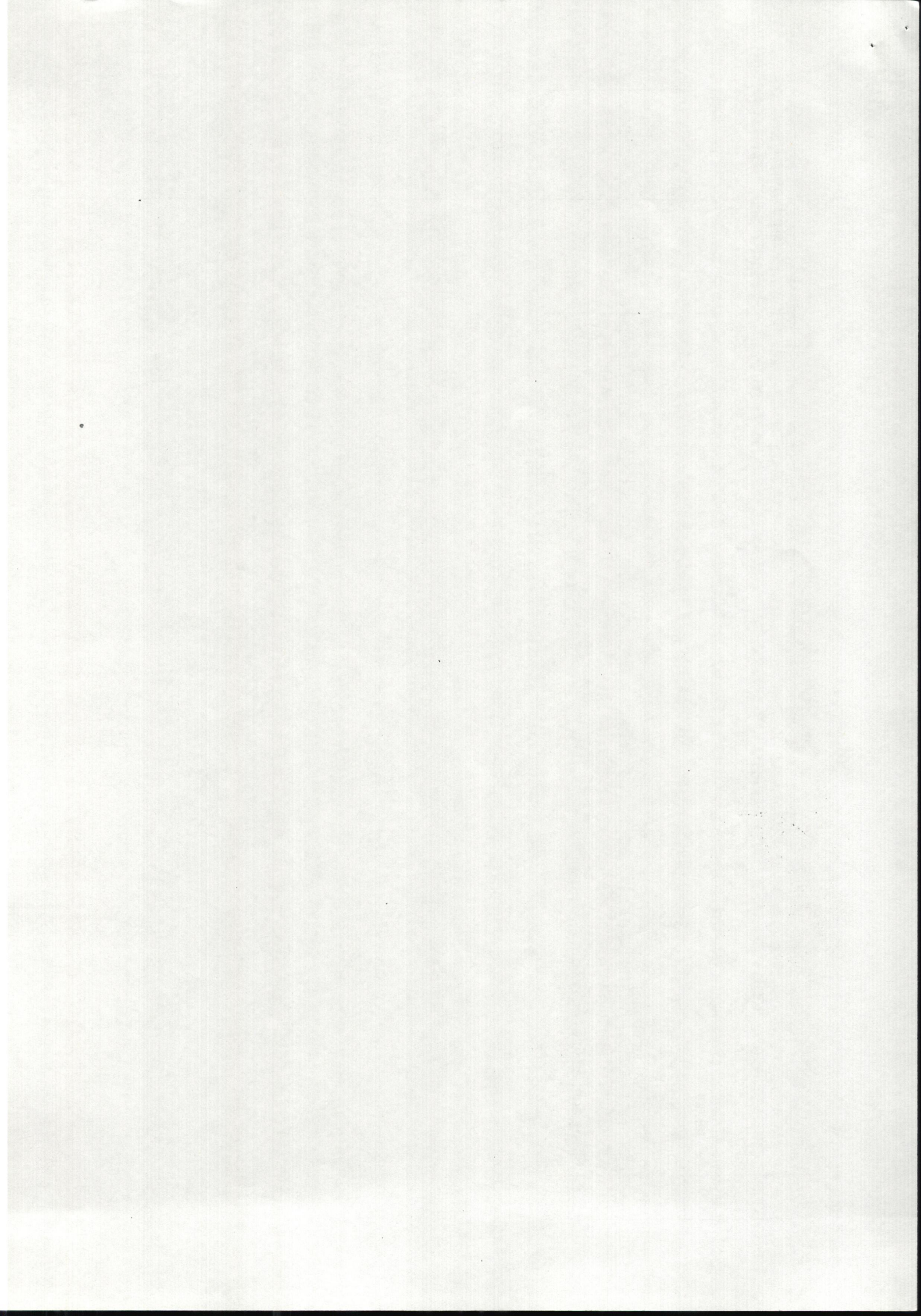
TT	Nội dung	ĐVT	Định mức KTKT theo Quyết định số 60/QĐ-BVHTTDL ngày 07/01/2020		Định mức KTKT địa phương	
			≤ 100 tài liệu, hiện vật (≤ 100 m <sup>2</sup> )	Ghi chú	≤ 100 tài liệu, hiện vật (≤ 100 m <sup>2</sup> )	Ghi chú
V	<b>Nghiên cứu xây dựng chi tiết nội dung trưng bày</b>					
1	Dự thảo Đề cương chi tiết nội dung trưng bày	Người/ ngày	3/3	Di sản viên	3/3	Di sản viên
2	Khảo sát, nghiên cứu điền dã bổ sung	Người/ ngày	5/3	Di sản viên	5/3	Di sản viên
3	Phát triển nội dung các chủ đề của nội dung trưng bày	Người/ ngày	5/5	Di sản viên	5/5	Di sản viên
4	Lập danh mục hiện vật theo các chủ đề	Người/ ngày	3/5	Di sản viên	3/5	Di sản viên
5	Danh mục ảnh và tư liệu theo các chủ đề	Người/ ngày	3/3	Di sản viên	3/3	Di sản viên
6	Chú thích hiện vật, ảnh và tài liệu trưng bày	Người/ ngày	5/7	Di sản viên	5/7	Di sản viên
7	Bài viết giới thiệu chung cho tổng thể trưng bày	Người/ ngày	1/3	Di sản viên	1/3	Di sản viên
8	Bài viết giới thiệu các chủ đề chính của trưng bày	Người/ ngày	2/3	Di sản viên	2/3	Di sản viên
9	Bài viết giới thiệu các tiêu đề/nội dung	Người/ ngày	3/3	Di sản viên	3/3	Di sản viên
10	Xây dựng nội dung cho các ấn phẩm truyền thông cho trưng bày	Người/ ngày	3/5	Di sản viên	3/5	Di sản viên
11	Kịch bản chi tiết trưng bày	Người/ ngày	3/7	Di sản viên	3/7	Di sản viên

TT	Nội dung	ĐVT	Định mức KTKT theo Quyết định số 60/QĐ-BVHTTDL ngày 07/01/2020		Định mức KTKT địa phương	
			≤ 100 tài liệu, hiện vật (≤ 100 m <sup>2</sup> )	Ghi chú	≤ 100 tài liệu, hiện vật (≤ 100 m <sup>2</sup> )	Ghi chú
12	Xây dựng nhiệm vụ thiết kế trung bày	Người/ ngày	2/3	Di sản viên	2/3	Di sản viên
13	Duyệt nội dung chi tiết trung bày	Người/ ngày	2/1	Di sản viên	2/1	Di sản viên
14	Hoàn thiện nội dung chi tiết trung bày	Người/ ngày	2/3	Di sản viên	2/3	Di sản viên
15	Quản lý chung, kế toán	Người/ ngày	3/2	Di sản viên	3/2	Di sản viên
VI	<b>Phê duyệt chi tiết nội dung trung bày</b>					
1	Hội đồng khoa học phê duyệt chi tiết nội dung trung bày	Người/ ngày	9/1	Điều 9 Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN	7/1	Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 16/11/2017
VII	<b>Xây dựng kế hoạch kích bản trung bày</b>					
1	Xây dựng kế hoạch tổ chức trung bày và nhiệm vụ thiết kế trung bày	Người/ ngày	3/2	Di sản viên	3/2	Di sản viên
2	Quản lý, kế toán	Người/ ngày	2/10	Di sản viên	2/10	Di sản viên

## B. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

TT	Tên vật tư	ĐVT	Định mức ≤ 100 Tài liệu, hiện vật (≤ 100 m <sup>2</sup> )
1	Xibocafe	M	23
2	Chi đê can trắng	M	4
3	Tấm xốp nhựa Ply gát (1,2m x 2,4m)	Tấm	9
4	Băng dính 2 mặt	Cuộn	20
5	Vít sắt	Túi	2
6	Dao trở	Con	2
7	Lưới dao trở	Cái	2
8	Găng tay y tế	Hộp	1
9	Dây thép	Kg	2
10	Dây kẽm	Kg	2
11	Ghim đập số 10	Hộp	3
12	Tấm hợp kim nhôm (1,2m x 2,4m)	Tấm	5
13	Khẩu trang y tế	Hộp	1
14	Già cổ khung triển lãm	Cái	2
15	In bạt nền	m <sup>2</sup>	100
16	In bạt công	m <sup>2</sup>	15
17	In bạt khánh tiết + khẩu hiệu	m <sup>2</sup>	17
18	Cắt chữ đê can bản trích	Cái	4

TT	Tên vật tư	ĐVT	Định mức ≤ 100 Tài liệu, hiện vật (≤ 100 m <sup>2</sup> )
19	In makets	Cái	2
20	Dụng khung rập sắt có mái che bệt	m <sup>2</sup>	100
21	Tư liệu ảnh (bản quyền)	Ảnh	30
22	Phóng ảnh, ép ảnh plastic	Ảnh	65
23	Phóng ảnh, ép lụa	Ảnh	12
24	Scan chính sửa	Cái	65





Phụ lục IV

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT HOẠT ĐỘNG BẢO QUẢN PHÒNG NGỪA HIỆN VẬT**  
(Kèm theo Quyết định số: 2181/QĐ-UBND ngày 05 tháng 1 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức KTKT theo Quyết định số 60/QĐ-BVHTTDL ngày 07/01/2020		Định mức KTKT địa phương	
			≤ 300 hiện vật	Ghi chú	≤ 300 hiện vật	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Xây dựng kế hoạch bảo quản phòng ngừa sưu tập hiện vật</b>					
1	Khảo sát đánh giá tình trạng hiện vật và môi trường bảo quản hiện vật	Người/ ngày	3/8	Di sản viên	3/8	Di sản viên
2	Xây dựng kế hoạch bảo quản phòng ngừa	Người/ ngày	1/2	Di sản viên	1/2	Di sản viên
<b>II</b>	<b>Phê duyệt Kế hoạch bảo quản phòng ngừa sưu tập hiện vật</b>					
1	Hội đồng khoa học phê duyệt kế hoạch bảo quản phòng ngừa	Người/ ngày	9/1	Điều 9 Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN	7/1	Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 16/11/2017
<b>III</b>	<b>Xây dựng phương án bảo quản phòng ngừa hiện vật</b>					
1	Xây dựng báo cáo tình trạng hiện vật và môi trường tồn tại của hiện vật	Người/ ngày	4/5	Di sản viên	4/5	Di sản viên
2	Phân tích xác định nguyên nhân, nguy cơ gây hư hại cho hiện vật	Người/ ngày	2/5	Di sản viên	2/5	Di sản viên
3	Xây dựng các phương án bảo quản phòng ngừa	Người/ ngày	2/5	Di sản viên	2/5	Di sản viên

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức KTKT theo Quyết định số 60/QĐ-BVHTTDL ngày 07/01/2020		Định mức KTKT địa phương	
			≤ 300 hiện vật	Ghi chú	≤ 300 hiện vật	Ghi chú
4	Hợp hội đồng khoa học phê duyệt phương án bảo quản phòng ngừa	Người/ ngày	9/1	Điều 9 Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN	7/1	Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 16/11/2017
<b>IV</b>	<b>Thực hiện bảo quản phòng ngừa hiện vật</b>					
1	Chuẩn bị khu vực thực hiện bảo quản phòng ngừa	Người/ ngày	2/6	Di sản viên	2/6	Di sản viên
2	Giám sát và hỗ trợ việc thực hiện bảo quản phòng ngừa	Người/ ngày	2/6	Di sản viên	2/6	Di sản viên
<b>V</b>	<b>Bảo cáo kết quả thực hiện bảo quản phòng ngừa hiện vật</b>					
1	Lập hồ sơ quá trình bảo quản phòng ngừa	Người/ ngày	4/5	Di sản viên	4/5	Di sản viên
2	Lập cáo cáo kết quả bảo quản phòng ngừa	Người/ ngày	2/5	Di sản viên	2/5	Di sản viên
<b>VI</b>	<b>Hợp duyệt và đánh giá kết quả bảo quản phòng ngừa hiện vật</b>					
1	Hợp hội đồng khoa học đánh giá kết quả bảo quản phòng ngừa	Người/ ngày	9/1	Điều 9 Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN	7/1	Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 16/11/2017
<b>VII</b>	<b>Định mức khác</b>					
1	Làm sạch môi trường bảo quản hiện vật định kỳ 3 tháng một lần	Người/ ngày	5/6	Di sản viên	5/6	Di sản viên

## B. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Định mức ≤ 300 hiện vật
1	Ethanol	Lít	14
2	Ethanol tinh khiết	Lít	8
3	Acetone	Lít	8
4	Acetone Mer tinh khiết	Lít	7
5	Hạt chống ẩm Silicazene	Kg	14
6	Dầu BO	Lít	15
7	Sơn chống rỉ thái lan	Hộp	4
8	Thuốc diệt mối một Mapsedan 48EC	Lít	7
9	Keo dán chuyên dụng	Kg	4
10	Keo dán 502 loại tốt	Hộp	6
11	Keo dán Dog gắn HV	Lọ	4
12	Bàn chải đánh gi các cỡ	Cái	11
13	Giấy giáp nhật số	Tờ	113
14	Kẹp Inox (cỡ đại)	Cái	2
15	Chổi sơn	Cái	38
16	Kim khâu cỡ đại + chỉ dù	Bộ	2
17	Xi bóng	Hộp	5
18	Xi nâu	Hộp	2
19	Dầu hòa	Lít	8
20	Sơn cánh gián	Kg	3
21	Găng tay sợi trắng cao su	Đôi	26
22	Găng tay cao su y tế	Hộp	4
23	Khẩu trang y tế	Hộp	4
24	Xà phòng trung tính (dạng nước)	Lít	4

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Định mức ≤ 300 hiện vật
25	Túi zip to	Cái	83
26	Túi zip nhỏ	Kg	2
27	Băng phiến	Túi	49
28	Bút viết	Cái	19
29	Bút nhớ đồng	Cái	4
30	Giấy A4 Double A	Gam	2
31	Giấy bìa vàng (A3)	Tập	2
32	Giấy dó (VN) loại dày rộng 57 x13,7	Tờ	41
33	Ghim nhựa	Túi	7
34	Băng dính cỡ đại	Cuộn	2
35	Băng dính Simili dán giấy	Cuộn	3
36	Bông y tế	Kg	3
37	Album ảnh	Quyển	3
38	Đĩa CD	Cái	3
39	Nước cất	Lít	41
40	Kim chỉ màu +khung thêu	Bộ	2
41	Túi lilong có miệng (loại to+nhỏ)	Kg	2
42	Quần áo bảo hộ	Bộ	8
43	Kính bảo hộ xử lý hóa chất	Cái	2
44	Bút sơn đánh số hiện vật	Cái	26
45	Kính lúp	Cái	2
46	Bút lông	Cái	3
47	Dầu mỡ	Kg	8
48	Dầu bảo quản	Lít	15

Phụ lục V

**ĐÌNH MỨC KTKT VỀ - KỸ THUẬT HOẠT ĐỘNG BẢO QUẢN TRỊ LIỆU HIỆN VẬT**

(Kèm theo Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)



**A. XÂY DỰNG VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH BẢO QUẢN TRỊ LIỆU**

TT	Nội dung	ĐVT	Đình mức KTKT theo Quyết định số 60/QĐ-BVHTTDL ngày 07/01/2020		Đình mức KTKT dịch vụ địa phương	
			≤ 20 hiện vật	Ghi chú	≤ 20 hiện vật	Ghi chú
I	Kế hoạch bảo quản trị liệu hiện vật					
1	Khảo sát, đánh giá tình trạng hiện vật	Người/ ngày	2/3		2/3	Di sản viên
2	Xây dựng kế hoạch bảo quản trị liệu	Người/ ngày	1/2		1/2	Di sản viên
II	Phê duyệt Kế hoạch bảo quản trị liệu hiện vật					
1	Hội đồng khoa học phê duyệt bảo quản trị liệu hiện vật	Người/ ngày	9/1	Điều 9 Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN	7/1	Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 16/11/2017

**B. XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN VÀ THỰC HIỆN BẢO QUẢN TRỊ LIỆU**

TT	Nội dung	ĐVT	Đình mức KTKT theo Quyết định số 60/QĐ-BVHTTDL ngày 07/01/2020		Đình mức KTKT dịch vụ địa phương	
			01 hiện vật	Ghi chú	01 hiện vật	Ghi chú
I	Xây dựng phương án bảo quản trị liệu hiện vật					
1	Nghiên cứu, phân tích đánh giá hiện trạng và xác định nguyên nhân hư hại	Người/ ngày	1/2	Di sản viên	1/2	Di sản viên

TT	Nội dung	ĐVT	Định mức KTKT theo Quyết định số 60/QĐ-BVHTTDL ngày 07/01/2020		Định mức KTKT dịch vụ địa phương	
			01 hiện vật	Ghi chú	01 hiện vật	Ghi chú
2	Kiểm tra thực hiện các phép thử trên hiện vật	Người/ ngày	1/1	Di sản viên	1/1	Di sản viên
3	Đề xuất phương án, quy trình bảo quản trị liệu hiện vật	Người/ ngày	1/2	Di sản viên	1/2	Di sản viên
4	Hội đồng khoa học phê duyệt phương án, quy trình bảo quản trị liệu	Người/ ngày	9/1	Điều 9 Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN	7/1	Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 16/11/2017
<b>II Thực hiện bảo quản trị liệu hiện vật theo phương án được phê duyệt</b>						
1	Hợp đồng thuê chuyên gia thực hiện	Người/ ngày	2/1	Di sản viên	2/1	Di sản viên
2	Cán bộ hỗ trợ công tác bảo quản trị liệu hiện vật theo phương án được duyệt	Người/ ngày	2/5	Di sản viên	2/5	Di sản viên
<b>III Xây dựng hồ sơ bảo quản trị liệu hiện vật</b>						
1	Lập hồ sơ quá trình bảo quản trị liệu hiện vật	Người/ ngày	1/2	Di sản viên	1/2	Di sản viên
<b>IV Báo cáo kết quả thực hiện bảo quản trị liệu hiện vật</b>						
1	Lập báo cáo kết quả bảo quản trị liệu hiện vật	Người/ ngày	1/1	Di sản viên	1/1	Di sản viên
<b>V Hợp duyệt và đánh giá kết quả bảo quản trị liệu hiện vật</b>						
1	Hội đồng khoa học nghiệm thu kết quả bảo quản trị liệu hiện vật	Người/ ngày	9/1	Điều 9 Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-	7/1	Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 16/11/2017